

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **26**/2021/HNGĐ-ST

Ngày: **07 - 5** - 2021

V/v: T/c về chia tài sản chung.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chúc

Bà Bùi Thị Kim Thủy

**-Thư ký phiên tòa:**

Bà Trương Thị Hoàn-Thư ký TAND

huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày **07-5-2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **309/2020/TLST-HNGĐ** ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2021, giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn:** Ông Tiêu Tấn T, sinh năm 1933; nơi cư trú: ấp Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

**2.Bị đơn:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1948; nơi cư trú: ấp Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

**3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Tiêu Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**-Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

**Về hôn nhân:** Ông Tiêu Tấn T và bà Trần Thị L sống chung với nhau từ năm 1984 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau cả hai về chung sống tại địa chỉ: Ấp Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Ông T và bà L chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà L thường viện ra các lý do để lấy tài sản chung cho con riêng của bà L, dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ giữa tháng 11 năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống riêng, do bà L đi thành phố Hồ Chí Minh chăm sóc cháu ngoại bị bệnh ốm, ông T ở nhà một mình, không ai chăm sóc nên phải đến sống chung với con gái tên Tiêu Thị H1 ở nhà trọ cho đến nay. Trước đây vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng đã ăn riêng khoảng 8 năm nay, cuộc sống của ai thì người nấy tự lo; bà L đi bán vé số về thì bà L và con chung là Tiêu Thị H tự nấu cơm và sinh hoạt riêng, không quan tâm gì đến ông T. Từ những lý do nêu trên ông T yêu cầu ly hôn với bà L.

**Về con chung:** ông T và bà L có 02 con chung là Tiêu Thị H1, sinh năm 1985 và Tiêu Thị H, sinh năm 1987. Con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung:** Ông T và bà L có tài sản chung là Quyền sử dụng đất thửa 670, tờ bản đồ 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, diện tích 115m<sup>2</sup>, được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 024053 ngày 27/5/2013 cho ông T và bà L. Nguồn gốc thửa đất này là do ông T, bà L cùng nhau khai phá, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 50m<sup>2</sup> và 01 chuồng heo diện tích khoảng 6m<sup>2</sup> nhưng xây năm nào ông T không nhớ, năm 2005 bị bão nhà hư hỏng nên được Nhà nước cho 8.000.000đ để sửa lại nhà. Nay ông T yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trên theo hướng giao toàn bộ đất và tài sản trên đất cho bà L và bà L phải giao cho ông T ½ giá trị căn nhà đất; trường hợp bà L không nhận nhà đất thì yêu cầu giao cho ông T toàn bộ đất và tài sản trên đất, ông T sẽ giao cho bà L ½ giá trị nhà đất theo giá mà Hội đồng định giá xác định.

**Về nợ chung:** Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:**

Về hôn nhân: Bà L thống nhất như lời trình bày của ông Tiêu Tấn T về thời điểm sống chung và thời điểm phát sinh mâu thuẫn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà L không thống nhất với mâu thuẫn vợ chồng mà ông T trình bày. Bà L cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Nhưng từ giữa tháng 11/2020, khi bà L đưa cháu ngoại đi bệnh viện trên thành phố Hồ Chí Minh để chữa bệnh thì con chung là bà Tiêu Thị H1 dẫn ông T đi đến phòng trọ sinh sống đến nay. Khi về bà L không đến thăm cũng như không liên lạc với ông T vì bận chăm sóc cháu ngoại bị bệnh.

Trước đây khi còn sống chung nhà nhưng bà L và ông T đã ăn riêng khoảng 03 năm nay, cuộc sống của ai thì người đó tự lo.

Việc ông T yêu cầu ly hôn, bà L không đồng ý vì hiện nay bà L vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông T. Hơn nữa ông T hiện đã 88 tuổi, sức khỏe đã yếu,

bà L đã 72 tuổi nhưng vẫn đi bán vé số để kiếm tiền trang trải lo cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Bà L có nguyện vọng cho vợ chồng đoàn tụ vì vợ chồng chung sống với nhau đã 35 năm. Nay đều đã nhiều tuổi, có con cháu đầy đủ nên không muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Tiêu Thị H1, sinh năm 1985 và Tiêu Thị H, sinh năm 1987. Con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà L có tài sản chung là Quyền sử dụng đất thuộc thửa 670 tờ bản đồ 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, diện tích 115m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 024053 ngày 27/5/2013. Nguồn gốc thửa đất này là do vợ chồng cùng nhau khai phá, được Nhà nước cấp cho một căn nhà tình thương để ở, cấp năm nào bà L không nhớ.

Bà L đồng ý với giá mà Hội đồng định giá xác định, nhưng không đồng ý chia theo yêu cầu của ông T, vì đây là căn nhà duy nhất để vợ chồng ở. Bà L không có khả năng tài chính để giao lại cho ông T ½ trị giá nhà đất. Nếu phải ly hôn đề nghị giữ nguyên tài sản chung là nhà đất để vợ chồng cùng ở.

Về nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**-Bà Tiêu Thị H trình bày: Bà H đang** sống cùng bà L trên thửa 670 tờ bản đồ 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp do ông T và bà L khai phá, bà H không có công sức đóng góp gì nên không yêu cầu HĐXX xem xét về quyền lợi của mình trong vụ án này.

**-Về tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:**

**+Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập:** Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản.

**+Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:** Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình; Chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao)

**-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:**

**+Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đúng theo những quy định của Điều 203 BLTTDS; tuy nhiên còn những vi phạm như: Thụ lý vụ án quá hạn và đề án quá thời hạn giải quyết.

**+Về nội dung:** Có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị xem xét giao tài sản chung là nhà đất cho ông T quản lý, sử dụng, ông T có nghĩa vụ giao ½ giá trị tài sản cho bà L, đồng thời tuyên cho bà L được lưu cư 06 tháng theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về hôn nhân:* Ông Tiêu Tấn T và bà Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1984 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 9 [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#) (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”; điểm a, mục 3 [Nghị quyết số 35/2000/QH](#) ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.*”; mục 1 [Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 03/01/2001 hướng dẫn “*...trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày [Luật hôn nhân và gia đình năm 1986](#) có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung*”. Theo quy định nêu trên HĐXX công nhận hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] *Về quan hệ tranh chấp:* Ông T yêu cầu ly hôn với bà L, yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*ly hôn, Tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn*”.

[1.3] *Về thẩm quyền:* Theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, bị đơn có địa chỉ cư trú và tài sản tranh chấp đều ở huyện Đất Đỏ nên căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao và điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[1.4] *Về áp dụng pháp luật:* Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1984 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây thuộc trường hợp tình tiết,

sự kiện không phải chứng minh. Do đó HĐXX áp dụng Luật hôn nhân và gia đình các năm 2000, 2014 và điểm b khoản 1 Điều 688 và các quy định khác của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

[1.5] *Về người tham gia tố tụng:* Bà Tiêu Thị H sống chung cùng bà L trên thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã Phước Hội, căn cứ khoản 6 Điều 68 BLTTDS, nay HĐXX xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án;

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Ông T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bà L thường viện ra các lý do để lấy tài sản chung cho con riêng của bà L, dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tuy bà L không thừa nhận việc lấy tài sản chung của vợ chồng cho con riêng như ông T trình bày, nhưng cả ông T và bà L cùng xác định vợ chồng đã ăn riêng từ 3 đến 8 năm nay và đã sống riêng nhà từ tháng 11/2020 đến nay, không ai chăm sóc và quan tâm tới nhau. Bà L không đồng ý ly hôn và mong muốn được đoàn tụ; tuy nhiên bà L không lý giải được lý do vợ chồng mâu thuẫn và không đưa ra được giải pháp để khắc phục những bất đồng để có thể chung sống hạnh phúc với nhau.

Do đó, HĐXX có đủ căn cứ để xác định ông T và bà L chung sống nhưng mạnh ai lấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; ông T yêu cầu ly hôn với bà L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[2.2] *Về giá trị tài sản và yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất:* Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên không tranh chấp về nguồn gốc tài sản, thừa nhận tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân và cùng đứng tên đăng ký. Vì vậy, xác định tài sản tranh chấp gồm có: Diện tích đất 115m<sup>2</sup>, thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, được UBND huyện Đất Đỏ cấp GCNQSD đất số BO 024053 ngày 27/5/2013 (viết tắt là: thửa đất số 670), có giá trị là 690.000.000 đồng; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 50m<sup>2</sup>, có giá trị là 74.475.000 đồng và 01 chuồng heo diện tích 6m<sup>2</sup>, có giá trị là 1.905.000 đồng.

Ông T và bà L không ai có ý kiến gì khác về giá trị đất và tài sản trên đất do Hội đồng định giá xác định tại biên bản định giá tài sản ngày 03/3/2021, không ai yêu cầu định giá lại. Do đó HĐXX xác định tổng giá trị tài sản tranh chấp của ông T và bà L là 766.380.000 đồng.

Điểm c Khoản 2 Điều 97 Luật HN&GD năm 2000 quy định “Việc chia quyền sử dụng đất chung của vợ chồng khi ly hôn” “Đối với...đất ở thì được chia



*theo quy định tại Điều 95 của Luật này...”; điểm a và Điểm d khoản 2 Điều 95 Luật HN&GD năm 2000 quy định “Tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc được chia đôi, nhưng có xem xét hoàn cảnh của mỗi bên, tình trạng tài sản, công sức đóng góp của mỗi bên...” “Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật hoặc theo giá trị...”*

Điểm c khoản 2 Điều 62 và khoản 2 và khoản 3 Điều 59 Luật HN&GD năm 2014 quy định “...Đối với đất ở thì được chia theo quy định tại Điều 59 của Luật này...”, “Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi...”, “Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị...”

Căn cứ các quy định nêu trên, HĐXX xác định ông T và bà L mỗi người được quyền hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản, tương đương số tiền 383.190.000 đồng.

[3] *Về hiện trạng và nhu cầu sử dụng nhà đất của các đương sự:* Thửa đất số 670 hiện do bà L quản lý sử dụng làm nhà ở, ngoài bà L còn có người con chung tên Tiêu Thị H cũng đang sinh sống trên đất.

Ông T hiện không tự lao động để nuôi sống bản thân và được người con chung tên Tiêu Thị H1 nuôi dưỡng; bà L sức khỏe tuy yếu nhưng hàng ngày vẫn đi bán vé số và có thu nhập để tự chi phí sinh hoạt; việc ông T yêu cầu chia đôi tài sản chung và giao nhà đất cho bà L, trường hợp bà L không đồng ý nhận tài sản là nhà đất thì ông T sẽ nhận tài sản là đất và có nghĩa vụ giao giá trị tài sản chung theo phần cho bà L.

Việc ông T yêu cầu như trên là có lợi cho bà L; tuy nhiên bà L không đồng ý ly hôn và chia tài sản chung, trường hợp phải ly hôn bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng nhà đất để hai người cùng sử dụng làm chỗ ở; ông T cho rằng, tuy ông mất sức lao động và chi phí sinh hoạt do con chung tên Tiêu Thị H1 chu cấp, nhưng nếu được giao tài sản chung ông sẽ để lại tài sản cho bà L sử dụng, bà L sẽ giao cho ông đủ số tiền để ông trả cho bà L.

Xét yêu cầu của ông T là hoàn toàn phù hợp với thực tế sử dụng đất, bởi diện tích thửa đất số 670 có bề ngang giáp mặt đường nhỏ hơn 5m, tổng diện tích là 115m<sup>2</sup> nên không đủ diện tích tối thiểu theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để chia bằng hiện vật. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, giao toàn bộ thửa đất số 670 và công trình, vật kiến trúc, cây trồng có trên đất cho ông T quản lý, sử dụng và định đoạt; ông T có nghĩa vụ giao  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản được hưởng cho bà L là 383.190.000 đồng.

[] Bà L hiện sống cùng con chung là Tiêu Thị H và không có chỗ ở nào khác, theo quy định tại Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình 2014 “...trường hợp vợ hoặc chồng có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt...”; ông T và bà L không tự thỏa thuận được với nhau nên HĐXX quyết định cho bà L tiếp tục lưu cư tại căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất 670 thời hạn 06 tháng để tìm nơi ở mới.

[] Bà Tiêu Thị H là người sống cùng bà L trên thửa đất số 670 có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, xác nhận nhà đất đang tranh chấp do ông T và bà L khai phá, bà H không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung, không yêu cầu HĐXX xem xét về quyền lợi của mình trong vụ án này. Do đó bà H có nghĩa vụ cùng với bà L giao toàn bộ thửa đất số 670 và công trình, vật kiến trúc, cây trồng có trên đất cho ông T quản lý, sử dụng và định đoạt.

[4] *Về tài liệu chứng cứ:* HĐXX xác định những tài liệu chứng cứ là bản chính hoặc bản sao do đương sự cung cấp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thừa nhận với nhau có trong hồ sơ vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96 BLTTDS là chứng cứ của vụ án.

[5] *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.200.000 đồng, nhưng ông T tự nguyện chịu toàn bộ nên ghi nhận.

[6] *Về án phí:* Do nguyên đơn, bị đơn đã trên 60 tuổi và có yêu cầu xin được miễn án phí, căn quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi ngày 23/11/2009 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn toàn bộ án phí phải nộp cho nguyên đơn, bị đơn.

[7] *Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Quan điểm của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án tại phiên tòa phù hợp với phân tích và nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 95, khoản 2 Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Khoản 1 Điều 9, Điều 59 và Điều 62, 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 28, các Điều 35, 39, 92, 93, 94, 95, 96, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP; mục 3 Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Tuyên xử:

**Về yêu cầu khởi kiện:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Tấn T đối với bà Trần Thị L về “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”.

**1. Về hôn nhân:** Ông Tiêu Tấn T được ly hôn với bà Trần Thị L.

**2. Về tài sản:** Công nhận tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Tiêu Tấn T và bà Trần Thị L theo yêu cầu giải quyết gồm có: Diện tích đất 115m<sup>2</sup>, thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, được UBND huyện Đất Đỏ cấp GCNQSD đất số BO 024053 ngày 27/5/2013 và công trình, vật kiến trúc, cây trồng có trên đất; tổng trị giá tài sản là 766.380.000đ (bảy trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

**Về phân chia tài sản:**

**2.1.** Ông Tiêu Tấn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 115m<sup>2</sup>, thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, được UBND huyện Đất Đỏ cấp GCNQSD đất số BO 024053 ngày 27/5/2013 (theo diện tích biến động nếu có) và được quyền sở hữu toàn bộ công trình, vật kiến trúc, cây trồng có trên đất (01 căn nhà cấp 4 diện tích 50m<sup>2</sup>, 01 chuồng heo diện tích 6m<sup>2</sup>, 01 cây me, 01 cây quất và 01 cây măng cầu).

Ông Tiêu Tấn T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan tài nguyên môi trường có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất 115m<sup>2</sup>, thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ theo Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Bà Trần Thị L và bà Tiêu Thị H được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng (lưu cư) căn nhà cấp 4 diện tích 50m<sup>2</sup>, tọa lạc trên thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, diện tích đất 115m<sup>2</sup> thời hạn 06 tháng kể từ ngày 07/5/2021; hết thời hạn 06 tháng nêu trên bà L và bà Tiêu Thị H có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình vật kiến trúc, cây trồng trên đất cho ông Tiêu Tấn T;

Trường hợp bà L, bà H không tự nguyện bàn giao những tài sản này thì ông T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành theo quy định pháp luật.

**2.2.** Ông Tiêu Tấn T có nghĩa vụ giao trả cho bà Trần Thị L số tiền 383.190.000đ (ba trăm tám mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)



Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về chi phí tố tụng:** Ghi nhận việc ông Tiêu Tấn T chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tiêu Tấn T, bà Trần Thị L.

**5. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt và VKSND cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 07-5-2021**).

**6. Về thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đất Đỏ;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ H.Đất Đỏ;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Đạt**